

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index dành cả ngày để giằng co quanh ngưỡng 1,900 trước khi đóng cửa tại mốc 1,893.78 điểm, giảm nhẹ gần 3 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 13/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin, Tài nguyên cơ bản giảm mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, ngành Bảo hiểm, Dầu khí,... có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 1.7 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Thị trường vẫn đang cho thấy tâm lý giằng co trước đỉnh 1,900; nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong giai đoạn này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 20/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-2.81** điểm, đóng cửa tại **1893.78** điểm. HNX-Index **-1.84** điểm, đóng cửa tại **253.11** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.86)**, **VCB (+1.45)**, **VNM (+1.31)**, **PLX (+0.99)**, **GVR (+0.88)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.74)**, **VIC (-1.66)**, **GEE (-0.97)**, **HPG (-0.73)**, **VPL (-0.68)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **33,170** tỷ đồng, tăng **24.84%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 37,251 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 30.51 điểm. Thị trường có **149** mã tăng, 55 mã tham chiếu, **180** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1676.90** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **GMD (-610.53 tỷ)**, **VNM (-246.84 tỷ)**, **VCB (-219.36 tỷ)**, **VRE (-136.79 tỷ)**, **VIC (-132.36 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **33.28** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.27%**. Các mã diễn biến tích cực:
VNM (+3.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
BID (+2.31%) [\(Link báo cáo\)](#)
VCI (+1.58%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.06**. Các mã diễn biến tích cực:
HAH (+6.96%) [\(Link báo cáo\)](#)
GMD (+6.90%) [\(Link báo cáo\)](#)
PLX (+6.12%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.27%	-0.06%	-0.15%	-0.41%
1 tuần	1.63%	1.49%	-0.48%	-0.17%
1 tháng	13.35%	6.63%	11.12%	7.88%
3 tháng	12.05%	2.27%	12.83%	8.01%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,893.78	253.11	126.59
% 1D	-0.15%	-0.72%	0.18%
GTKL (tỷ VND)	33,170	2,059	1,026
%1D	24.84%	16.74%	-32.00%
GDNN (tỷ VND)	-1676.90	33.28	-19.74

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	159.09	GMD	-610.53
KBC	113.75	VNM	-246.84
ACB	108.00	VCB	-219.36
PLX	82.33	VRE	-136.79
GVR	62.57	VIC	-132.36

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

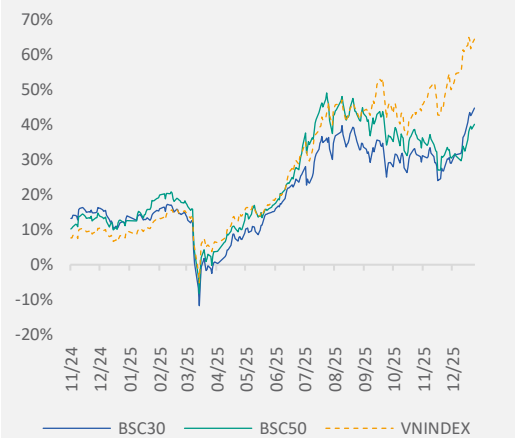
		%D	%W
SPX	6,940	-0.06%	-0.38%
FTSE100	10,058	-1.35%	-0.78%
Eurostoxx	5,851	-1.48%	-2.95%
Shanghai	4,114	-0.01%	-0.61%
Nikkei	52,991	-1.11%	-0.97%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.91	-0.38%
Giá vàng	4,734	1.28%
Tỷ giá		
USD/VND	26,386	-0.01%
EUR/VND	31,349	0.15%
JPY/VND	170	-0.58%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

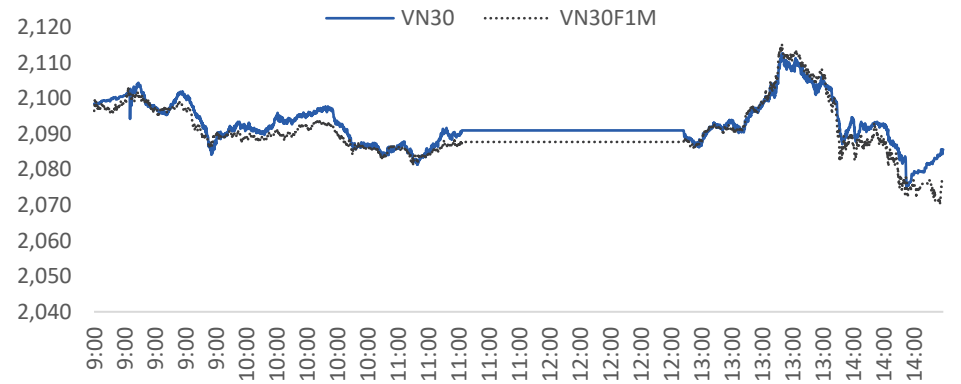
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
4111G2000	2077.50	-0.55%	316,671	33.6%	13/02/2026	24
4111G6000	2073.60	-0.45%	47	-53.5%	18/06/2026	149
4111G9000	2070.00	-0.24%	31	-18.4%	17/09/2026	240
4111G3000	2072.50	-0.77%	605	10.60%	19/03/2026	58

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -8.63 điểm, đóng cửa tại 2085.61 điểm. Biên độ dao động 31.36 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, VHM, VJC, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ sau một ngày giằng co quanh tham chiếu với thanh khoản quanh mức MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 4111G6000, 4111G9000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVNM2517	3/02/2026	14	816,600	0.66%	63.94	1,040	62.5%	1.00	73.89	73.40	73.40
CVNM2601	28/12/2026	342	52,100	7.63%	64.00	3,000	39.5%	2.79	79.00	73.40	73.40
CVNM2518	3/04/2026	73	239,600	2.64%	65.11	1,070	37.2%	0.97	75.34	73.40	73.40
CVNM2509	23/02/2026	34	587,800	0.43%	66.48	980	34.2%	1.00	73.71	73.40	73.40
CVRE2519	3/06/2026	134	500	18.13%	30.00	1,700	30.8%	0.92	36.80	31.15	31.15
CVNM2520	23/07/2026	184	4,900	8.43%	63.19	2,450	28.3%	1.87	79.58	73.40	73.40
CVNM2519	4/05/2026	104	601,100	4.84%	65.96	1,150	27.8%	0.95	76.95	73.40	73.40
CVNM2524	26/05/2026	126	69,500	4.74%	65.00	1,980	23.8%	1.70	76.88	73.40	73.40
CVNM2503	26/03/2026	65	481,500	1.47%	63.21	2,460	23.0%	2.37	74.48	73.40	73.40
CMSN2601	28/12/2026	342	28,500	17.31%	80.00	2,770	19.9%	2.49	93.85	80.00	80.00
CVNM2521	25/06/2026	156	71,000	9.27%	67.30	1,350	18.4%	0.93	80.21	73.40	73.40
CHPG2605	28/12/2026	342	113,800	15.82%	27.00	2,280	16.3%	2.11	31.56	27.25	27.25
CVNM2515	23/06/2026	154	1,613,100	3.46%	57.36	4,860	15.7%	4.53	75.94	73.40	73.40
CSTB2527	25/06/2026	156	500	25.31%	66.56	1,250	14.7%	0.66	72.81	58.10	58.10
CSTB2526	24/02/2026	35	98,100	4.48%	55.00	950	14.5%	0.78	60.70	58.10	58.10
CSHB2510	4/05/2026	104	62,000	10.06%	13.67	2,570	13.7%	1.88	18.21	16.55	16.55
CVIC2516	18/01/2027	363	59,500	26.09%	125.00	19,500	13.7%	11.77	203.00	161.00	161.00
CSTB2530	25/06/2026	156	4,500	23.68%	67.80	2,030	13.4%	1.49	71.86	58.10	58.10
CLPB2508	3/04/2026	73	27,700	6.65%	38.69	810	12.5%	0.66	45.17	42.35	42.35
CSTB2605	29/06/2026	160	170,200	15.66%	60.00	2,400	12.1%	1.88	67.20	58.10	58.10

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 20/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVNM2517 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 62.50%. CVNM2515 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.38%.
 - CFPT2606, CVHM2521, CVRE2526, CVIB2603, CDGC2501 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2512, CVHM2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	53.20	2.31%	1.86	7.02
VCB	73.50	1.10%	1.45	8.36
VNM	73.40	3.97%	1.31	2.09
PLX	59.00	6.12%	0.99	1.27
GVR	39.00	2.63%	0.88	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	168.90	7.37%	1.41	0.20
IDC	44.50	3.01%	0.29	0.38
KSF	65.70	0.46%	0.15	0.90
PLC	32.70	9.73%	0.15	0.08
MVB	18.90	9.88%	0.11	0.11

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HAH	61.50	6.96%	0.16	5.85
HID	5.86	6.93%	0.01	0.71
LIX	39.40	6.92%	0.04	0.52
GMD	68.20	6.90%	0.45	20.14
VSC	23.30	6.88%	0.13	18.95

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	53.30	9.90%	0.20	0.06
MVB	18.90	9.88%	0.82	0.02
PLC	32.70	9.73%	1.08	1.51
MKV	17.00	9.68%	0.03	0.02
TTC	10.40	9.47%	0.02	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	123.00	-1.60%	-1.74	4.11
VIC	161.00	-0.62%	-1.66	7.73
GEE	216.00	-5.68%	-0.97	0.37
HPG	27.25	-1.62%	-0.73	7.68
VPL	91.70	-1.93%	-0.68	1.79

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	100.00	-5.48%	-0.73	0.23
NTP	66.40	-5.82%	-0.37	0.17
PVS	38.40	-2.78%	-0.31	0.51
NVB	13.40	-1.47%	-0.21	1.92
SHS	19.80	-1.98%	-0.20	0.90

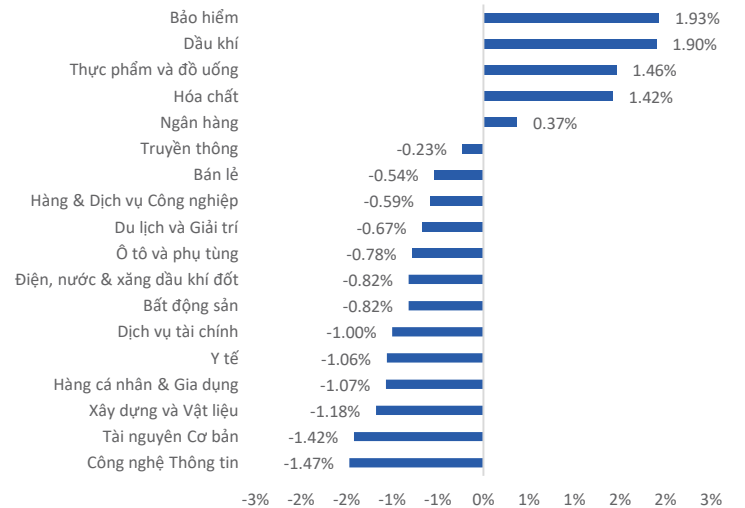
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	9.72	-6.99%	-0.01	0.04
NNC	61.40	-6.97%	-0.02	0.02
CMV	9.49	-6.96%	0.00	0.00
SKG	10.10	-6.91%	-0.01	0.66
FUCVREIT	7.89	-6.41%	0.00	0.00

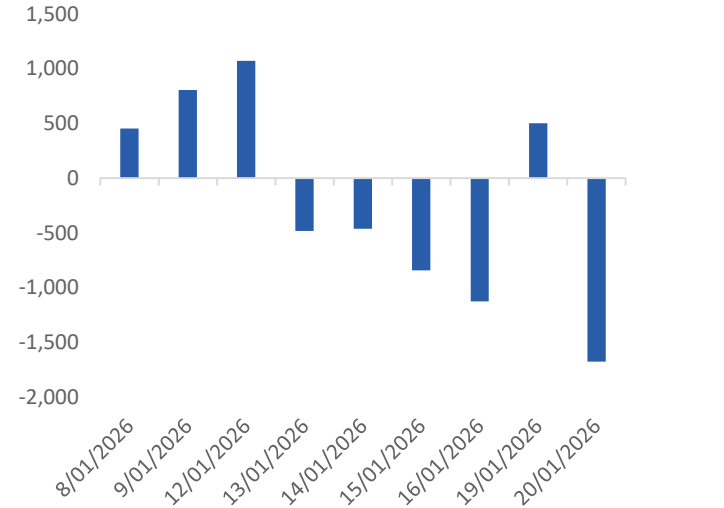
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TPP	10.00	-9.91%	-0.26	0.02
AMC	12.80	-9.86%	-0.02	0.00
SDC	6.50	-9.72%	-0.01	0.00
PGS	48.60	-9.67%	-0.99	0.00
DST	9.90	-9.17%	-0.12	0.12

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	86.0	-0.8%	1.2	126,287	778.0	3,957	21.7		47.8%	Link
KBC	Bất động sản	37.7	-0.9%	1.5	35,457	286.0	1,872	20.1		10.5%	Link
KDH	Bất động sản	29.3	0.0%	1.0	32,881	183.4	857	34.2		27.7%	Link
PDR	Bất động sản	17.5	-1.7%	1.5	17,462	183.8	211	83.1		8.1%	Link
VHM	Bất động sản	123.0	-1.6%	1.4	505,212	937.2	6,133	20.1		8.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	104.1	-1.6%	0.7	177,335	1437.1	5,280	19.7		39.4%	Link
BSR	Dầu khí	20.8	-0.2%	0.0	103,901	495.3	413			1.3%	Link
PVS	Dầu khí	38.4	-2.8%	1.4	19,639	321.7	2,841	13.5		14.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.5	-1.5%	1.3	27,539	632.7	1,309	19.5		34.7%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	32.6	-0.2%	1.3	81,210	939.5	1,836	17.8		33.2%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	35.4	1.6%	1.2	30,051	432.7	1,849	19.1		16.5%	Link
DCM	Hóa chất	35.2	0.3%	1.0	18,635	106.9	3,578	9.8		3.7%	Link
DGC	Hóa chất	64.5	-0.9%	0.7	24,496	199.5	8,296	7.8		5.8%	Link
ACB	Ngân hàng	25.1	-0.2%	0.8	128,673	491.3	3,385	7.4		28.4%	Link
CTG	Ngân hàng	39.7	-0.9%	1.1	307,959	816.4	4,292	9.2		25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	29.0	0.7%	1.3	144,903	633.0	3,005	9.6		23.1%	Link
MBB	Ngân hàng	27.4	-0.4%	1.1	220,707	811.8	3,017	9.1		21.8%	Link
MSB	Ngân hàng	12.6	-0.8%	1.0	39,156	67.0	1,729	7.3		29.4%	Link
STB	Ngân hàng	58.1	-0.3%	0.9	109,531	987.8	6,519	8.9		13.8%	Link
TCB	Ngân hàng	36.0	-1.0%	1.1	254,750	757.1	3,111	11.6		22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.5	0.6%	1.1	48,407	357.9	2,358	7.4		24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	73.5	1.1%	0.9	614,142	1554.0	4,202	17.5		21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.1	-0.6%	0.9	61,442	287.8	2,225	8.1		5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.8	0.3%	1.4	236,034	1526.9	3,024	9.8		25.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.3	-1.6%	0.9	209,156	1260.5	1,876	14.5		20.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.8	-0.3%	1.2	10,401	54.4	1,184	14.2		4.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.9	-0.5%	0.8	10,719	162.7	4,150	6.7		2.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	80.0	-0.3%	1.1	115,673	919.5	2,196	36.4		22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	73.4	4.0%	0.5	153,403	1602.9	4,160	17.7		50.5%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.9	1.63%	1.1	10,373	346.3	2,408	19.5	21.9%		Link
FRT	Bán lẻ	152.8	-0.39%	1.0	26,022	119.0	3,620	42.2	32.1%		Link
BVH	Bảo hiểm	73.0	2.38%	0.9	54,190	125.8	3,578	20.4	26.6%		Link
DIG	Bất động sản	16.1	-1.23%	1.2	12,783	152.5	515	31.2	3.4%		Link
DXG	Bất động sản	15.5	-1.59%	1.3	17,186	218.4	396	39.0	24.4%		Link
HDC	Bất động sản	21.2	-0.94%	1.2	4,225	65.0	2,559	8.3	3.1%		Link
HDG	Bất động sản	26.5	0.76%	1.3	9,786	57.6	938	28.2	19.6%		Link
IDC	Bất động sản	44.5	3.01%	1.2	16,888	357.4	4,849	9.2	11.6%		Link
NLG	Bất động sản	30.6	1.66%	1.1	14,844	75.8	2,171	14.1	43.3%		Link
SIP	Bất động sản	57.2	-3.05%	1.0	13,849	46.5	5,474	10.5	3.2%		Link
SZC	Bất động sản	32.6	-1.51%	1.2	5,859	32.3	1,917	17.0	2.9%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	15.6	-2.81%	1.3	14,183	128.1	801	19.4	10.6%		Link
VIC	Bất động sản	161.0	-0.62%	0.9	1,240,671	1447.3	1,147	140.3	3.1%		Link
VRE	Bất động sản	31.2	-2.66%	1.6	70,783	345.2	2,144	14.5	13.1%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.2	0.41%	0.8	8,652	37.7	1,680	22.1	38.2%		Link
PLX	Dầu khí	59.0	6.12%	0.8	74,965	705.0	2,090	28.2	15.0%		Link
PVD	Dầu khí	28.5	-2.73%	1.2	15,843	195.5	1,602	17.8	10.7%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.3	-1.92%	1.0	11,521	64.0	1,262	26.3	25.1%		Link
MBS	Dịch vụ tài chính	27.1	-1.45%	1.7	17,851	177.2	1,887	14.4	1.6%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	104.5	-1.23%	1.0	252,153	436.2	5,014	20.8	2.2%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.3	0.35%	0.9	43,870	246.1	675	21.2	5.0%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.8	-0.79%	0.6	34,016	48.2	4,776	13.2	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	181.8	-1.73%	0.8	107,555	413.7	2,897	62.8	7.1%		Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	41.0	-1.33%	1.4	36,953	408.6	2,313	17.7	8.9%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.2	6.90%	0.9	29,087	1239.2	3,493	19.5	40.3%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.5	6.96%	0.7	10,385	350.3	6,185	9.9	7.3%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.3	-1.46%	1.0	9,540	94.9	2,090	9.7	10.4%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	125.5	2.87%	0.0	15,284	226.8	3,139	40.0	5.1%		Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	111.9	-2.01%	0.8	38,175	248.5	6,909	16.2	48.9%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.8	-0.36%	0.8	3,109	37.5	2,535	11.0	48.5%		Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.7	1.47%	1.2	2,665	53.1	3,163	6.5	17.2%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	24.3	0.41%	1.0	16,522	118.5	1,212	20.1	3.9%		Link
GVR	Hóa chất	39.0	2.63%	1.6	156,000	401.9	1,569	24.9	0.6%		Link
EIB	Ngân hàng	22.9	-0.87%	1.1	42,656	202.3	1,635	14.0	3.1%		Link
LPB	Ngân hàng	42.4	1.93%	0.8	126,511	115.9	3,469	12.2	0.8%		Link
NAB	Ngân hàng	14.7	-0.34%	0.0	25,221	18.6	2,337	6.3	1.7%		Link
OCB	Ngân hàng	12.0	-0.41%	0.8	31,957	74.9	1,460	8.2	19.8%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	-1.90%	1.2	6,937	101.2	571	27.2	5.3%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.0	-2.17%	1.1	7,189	41.9	2,829	9.5	3.4%		Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	39.0	0.26%	0.6	11,842	120.2	1,715	22.7	3.7%		Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	52.3	2.35%	0.6	67,078	202.4	3,373	15.5	58.4%		Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	63.0	0.00%	0.8	14,141	103.6	6,944	9.1	19.9%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	163.1	-3.95%	0.1	13,352	93.7	15,010	10.9	85.1%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.2	-2.34%	0.9	8,009	68.6	6,245	12.0	48.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	103.6	0.78%	0.9	11,850	148.6	5,128	20.2	5.4%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.8	1.18%	1.0	4,314	66.6	3,037	14.1	7.1%		Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.9	-0.39%	1.2	7,059	61.4	1,097	11.8	10.6%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.8	-1.24%	1.2	9,789	140.9	1,377	17.3	13.6%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.3	-1.27%	1.0	15,063	101.0	6,148	3.8	4.5%		Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	48.8	-2.40%	1.2	21,857	51.7	3,090	15.8	2.5%		Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
2	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
4	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
5	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
6	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
8	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
16	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
17	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
18	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>